

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06-5-2022

Về việc “không công nhận vợ
chồng, yêu cầu về con chung” giữa
bà Tạ Thị T với ông Bùi Hữu T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thế Nam.

2. Bà Lê Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 33/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “*Không công nhận vợ chồng, yêu cầu về con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Thượng Phước, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Hữu T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Thượng Phước, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Tạ Thị T trình bày:

Bà Tạ Thị T với ông Bùi Hữu T, sinh năm 1971; nơi cư trú thôn Thượng Phước, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị là hai người ở cùng thôn với nhau, quen nhau, yêu nhau rồi hai gia đình tổ chức đám cưới năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới, bà T và ông T sinh sống tại nhà bố mẹ ông T và sinh được bốn người con. Quá trình chung sống, ông T nhiều lần đánh đập bà T và đến nay tình trạng quan hệ vợ chồng rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm giữa bà T và ông T không còn gì cả, hai người không đăng ký kết hôn với nhau, do đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà Tạ Thị T với ông Bùi Hữu T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình sống chung với nhau, giữa bà Tạ Thị T và ông Bùi Hữu T có 04 con chung là các cháu Bùi Hữu Thanh T, sinh ngày 20/11/1997; cháu

Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 22/12/2001; cháu Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 25/02/2003 và cháu Bùi Hữu P, sinh ngày 24/11/2012. Hiện nay các cháu T, L, H đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Bùi Hữu P bà T đề nghị giao cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2022, bị đơn ông Bùi Hữu Tn trình bày:

Ông Bùi Hữu Tn và bà Tạ Thị T sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn từ năm 1996 đến nay và có bốn con chung là các cháu Bùi Hữu Thanh T, sinh ngày 20/11/1997; cháu Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 22/12/2001; cháu Bùi Thị Ngọc H sinh ngày 25/02/2003 và cháu Bùi Hữu P, sinh ngày 24/11/2012. Quá trình chung sống, giữa bà T và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà T nhiều lần bỏ nhà ra đi và ông T nhiều lần tìm đưa về và hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án không công nhận ông Tn và bà T là vợ chồng. Đối với con chung 03 cháu T L, H đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Bùi Hữu P thì ông T đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 91, Điều 96, Điều 186, từ Điều 188 đến Điều 190 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị T: Không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà Tạ Thị T và ông Bùi Hữu Tn. Về con chung: Giao cháu Bùi Hữu P cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 25/02/2022, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà Tạ Thị T và ông Bùi Hữu Tn; đến ngày 28/3/2022 ông Bùi Hữu T có bản trình bày ý kiến trong đó đề nghị được vắng mặt các buổi hòa giải và xét xử. Ngày 08/4/2022, Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ với sự vắng mặt của ông Tn và ban hành thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Thiên. Ngày 21/4/2022, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa ngày

06/5/2022. Tại phiên tòa hôm nay, bà T có mặt, ông T đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tình cảm: Bà Tạ Thị T và ông Bùi Hữu T yêu nhau tự nguyện, có tổ chức đám cưới năm 1996 và sinh sống tại thôn Thượng Phước, xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị từ đó đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị thì bà T và ông T không đăng ký kết hôn nhưng sống chung với nhau như vợ chồng và có con chung. Như vậy, bà Tạ Thị T và ông Bùi Hữu T sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên cần áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận bà Tạ Thị T và ông Bùi Hữu T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Tạ Thị Thúy và ông Bùi Hữu Thiên có 04 con chung là các cháu Bùi Hữu Thanh T, sinh ngày 20/11/1997; cháu Bùi Thị Ngọc L, sinh ngày 22/12/2001; cháu Bùi Thị Ngọc H, sinh ngày 25/2/2003 và cháu Bùi Hữu P, sinh ngày 24/11/2012. Hiện nay các cháu T, L, H đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân mình nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Bùi Hữu P, bà T đề nghị giao cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao cháu P cho ai nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Thấy rằng hiện tại ông T có chỗ ở ổn định, cháu P hiện đang sinh sống với ông T và cháu P có nguyện vọng được ở với ông T để thuận lợi trong việc học hành của cháu, do đó cần giao cháu Bùi Hữu P cho ông Bùi Hữu T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Tạ Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ giữa bà Tạ Thị T với ông Bùi Hữu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Hữu P, sinh ngày 24/11/2012 cho ông Bùi Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Tạ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000089 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Bà Tạ Thị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Tạ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Hữu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

